

Bản án số 43/2024/DS-PT

Ngày 22 – 02 – 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22-02-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 167/2023/TLST-DS ngày 01-11-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐ-PT ngày 08-01-2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: xx5 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: 1xx đường B, phường H, quận A, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Phan Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị H trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng:*

Bà H và bà L có quan hệ quen biết với nhau và vào ngày 22-5-2022 bà L vay của Bà H số tiền 750.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền và hai bên thỏa thuận là vay có lãi. Khi vay thì bà L có đưa cho Bà H giữ làm tin các giấy tờ

sau: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 284986 do Ủy ban nhân dân Quận Cẩm Lệ cấp ngày 29-10-2005; 02 hợp đồng đặt cọc và 01 hợp đồng ủy quyền số 16520/2015. Khi vay thì bà L cam kết trả gốc và lãi nhưng đều không trả.

Đến ngày 06-3-2023, khi chốt nợ cả gốc và lãi là 1.235.000.000 đồng và bà L xin chia làm 2 đợt mỗi đợt trả 617.500.000 đồng nhưng bà L vẫn không thực hiện. Đến nay bà L còn nợ Bà H số tiền 1.235.000.000 đồng và tiền lãi 4 tháng (từ tháng 3-2023 đến tháng 7-2023) là 61.750.000 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi của mình, Bà H khởi kiện, yêu cầu bà L thanh toán tổng tiền nợ gốc và lãi là 1.296.750.000 đồng.

Tại Đơn trình bày và tại phiên tòa hôm nay, Bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L thanh toán số tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 750.000.000 đồng tạm tính từ ngày 22-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 197.671.232 đồng.

** Bị đơn - bà Phan Thị L trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:*

Bà và Bà H có mối quan hệ quen biết với nhau. Năm 2020, bà có vay của Bà H nhiều lần với tổng số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 6%/ tháng. Sau đó, Bà H yêu cầu bà L cộng các khoản tiền lãi với số tiền gốc ban đầu thành số tiền 1.235.000.000 đồng. Nay, Bà H yêu cầu bà phải trả số tiền 1.235.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thị L cho rằng số tiền 750.000.000 đồng theo giấy mượn tiền là do Bà H cộng dồn tiền lãi; bà L chỉ đồng ý trả Bà H số tiền là 400.000.000 đồng như số tiền mượn ban đầu.

** Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 như sau:*

Căn cứ vào Điều 119, 463, Điều 466, 468 và 469 BLDS; các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272, 273 của BLTTDS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phan Thị L.

Buộc bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền đã vay là 750.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26-9-2023 theo lãi suất 20%/năm là 197.671.232 đồng. Tổng số tiền bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H là 947.671.232 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Phan Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Phan Thị L phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Thị L phải chịu 40.430.136 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 25.450.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000845 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 09-10-2023, Bị đơn – bà Phan Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật vì cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc bà phải thanh toán 750.000.000 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi là không đúng pháp luật, bà L chỉ vay bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000đ; đồng thời bà L yêu cầu Bà H phải trả lại các giấy tờ nhà đất đang giữ của bà.

** Tại phiên thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm,* bà Nguyễn Thị H và bà Phan Thị L đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự do nội dung thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị H và bà Phan Thị L đã thống nhất thỏa thuận được các nội dung sau:

1. Bà Phan Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 700.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 22-6-2024.

2. Sau khi bà Phan Thị L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phan Thị L bản gốc các giấy tờ sau:

01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 284986 ngày 29-10-2005 do UBND quận A, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Võ Văn T; 01 (một) Hợp đồng uỷ quyền giữa ông Võ Văn T và bà Phan Thị L số công chứng

16520 ngày 28-12-2015 tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng; 01 (một) Hợp đồng đặt cọc giữa ông Đặng Ngọc T, bà Hà Thị H với bà Phan Thị L số công chứng 1499 ngày 14-02-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M; 01 (một) Giấy cam kết ngày 04-10-2019 của ông Nguyễn Đức H, bà Đào Thị T; 01 (một) Giấy uỷ quyền ngày 04-10-2019 của ông Nguyễn Đức H, bà Đào Thị T.

Xét thấy những nội dung thỏa thuận của các bên đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên đương sự có kháng cáo là bà Phan Thị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Đồng thời, án phí sơ thẩm được xác định lại theo nội dung các bên đương sự đã thỏa thuận được, bà L phải thanh toán số tiền là 700.000.000 đồng, tương ứng với mức án phí phải chịu là 32.000.000 đồng.

[3] Các đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 148, 293, 300, 308, 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 119, 463, Điều 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2, Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bà Phan Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 22-6-2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Sau khi bà Phan Thị L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phan Thị L bản gốc các giấy tờ sau:

01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 284986 ngày 29-10-2005 do UBND quận A, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Võ Văn T; 01 (một) Hợp đồng uỷ quyền giữa ông Võ Văn T và bà Phan Thị L số công chứng 16520 ngày 28-12-2015 tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng; 01 (một) Hợp đồng đặt cọc giữa ông Đặng Ngọc T, bà Hà Thị H với bà Phan Thị L số công chứng 1499 ngày 14-02-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M; 01 (một) Giấy cam kết ngày 04-10-2019 của ông Nguyễn Đức H, bà Đào Thị T; 01 (một) Giấy uỷ quyền ngày 04-10-2019 của ông Nguyễn Đức H, bà Đào Thị T.

II. Án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Thị L phải chịu 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 25.450.000 đồng (hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000845 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001906 ngày 16-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; đã nộp đủ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai

